

BỘ CÔNG AN
CÔNG AN TỈNH KHÁNH HÒA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 1042/QĐ-CAT-CSGT

Khánh Hòa, ngày 18 tháng 12 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
TỔ CHỨC KỲ SÁT HẠCH LÁI XE

GIÁM ĐỐC CÔNG AN TỈNH KHÁNH HÒA

Căn cứ Thông tư số 09/2025/TT-BCA ngày 25/02/2025 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của Công an tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Căn cứ Thông tư số 12/2025/TT-BCA ngày 28/02/2025 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định về sát hạch, cấp giấy phép lái xe; cấp, sử dụng giấy phép lái xe quốc tế;

Xét đề nghị của Trưởng Phòng Cảnh sát giao thông,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cho phép tổ chức kỳ sát hạch lái xe ô tô cho tổng số **149** thí sinh, trong đó: hạng B: 149 thí sinh (có danh sách thí sinh dự thi kèm theo).

Kỳ sát hạch được tiến hành ngày **26/12/2025**, tại Trung tâm đào tạo và sát hạch lái xe Hồng Bàng (địa chỉ: thôn Khánh Thành, xã Suối Dầu, tỉnh Khánh Hòa).

Điều 2. Thành lập Hội đồng sát hạch gồm các thành viên có tên dưới đây:

1. Đồng chí Thượng tá Lê Thị Mỹ Lương, Chức vụ: Phó Trưởng phòng, Phòng Cảnh sát giao thông, Chủ tịch Hội đồng.

2. Đồng chí Trung tá Biện Lê Quý, Chức vụ: Đội trưởng, Phòng Cảnh sát giao thông, Phó Chủ tịch Hội đồng.

3. Ông: Đặng Lê Nhật Nguyên, Chức vụ: Giám đốc Trung tâm đào tạo và sát hạch lái xe Hồng Bàng, Ủy viên Hội đồng.

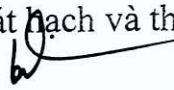
4. Đồng chí Đại úy Nguyễn Quang Đạt, Chức vụ: Cán bộ, thư ký.

5. Các sát hạch viên:

- Đồng chí Trung tá Lê Hữu Tuấn, sát hạch viên;
- Đồng chí Thiếu tá Nguyễn Minh Nghĩa, sát hạch viên;
- Đồng chí Trung tá Phan Ngọc Tuấn, sát hạch viên;
- Đồng chí Thiếu tá Trần Đức Quyên, sát hạch viên;
- Đồng chí Đại úy Đào Văn Quyết, sát hạch viên;

Trách nhiệm của từng thành viên do Chủ tịch Hội đồng phân công.

Điều 3. Hội đồng sát hạch có nhiệm vụ, quyền hạn quy định tại Thông tư số 12/2025/TT-BCA ngày 28/02/2025 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định về sát hạch, cấp giấy phép lái xe; cấp, sử dụng giấy phép lái xe quốc tế. Kết thúc kỳ sát hạch, lập biên bản tổng hợp kết quả sát hạch, Hội đồng sát hạch tự giải thể.

Điều 4. Hội đồng sát hạch và thí sinh có tên tại Điều 1, 2 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./. 

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Lưu: VT, CSGT (SHLX).



Đại tá Lê Quang Dũng

PHỤ LỤC VIII

(Ban hành kèm theo Thông tư số 12/2025/TT-BCA ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Công an)

Mẫu số 06

DANH SÁCH THÍ SINH DỰ SÁT HẠCH ĐỀ CẤP GIẤY PHÉP LÁI XE

(Ban hành kèm theo Quyết định số 7042/QĐ-CAT-CSGT ngày 18/11/2025 của Giám đốc Công an tỉnh Khánh Hòa)

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Số định danh	Nơi cư trú	Giấy chứng nhận sức khỏe hợp lệ	Đã có giấy phép lái xe hạng	Số chứng chỉ sơ cấp hoặc số chứng chỉ đào tạo hoặc xác nhận hoàn thành khóa đào tạo	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
1	TRẦN MINH TRĂNG	18/10/2006	040306025587	Khối 6, P. Thành Vinh, T. Nghệ An	Hợp lệ		Giấy xác nhận - hoàn thành khóa đào tạo	B số tự động - SH lại MP

PHỤ LỤC VIII

(Ban hành kèm theo Thông tư số 12/2025/TT-BCA ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Công an)

Mẫu số 06

DANH SÁCH THÍ SINH DỰ SÁT HẠCH ĐỀ CẤP GIẤY PHÉP LÁI XE

(Ban hành kèm theo Quyết định số 7042/QĐ-CAT-CSGT ngày 18/12/2025 của Giám đốc Công an tỉnh Khánh Hòa)

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Số định danh	Nơi cư trú	Giấy chứng nhận sức khỏe hợp lệ	Đã có giấy phép lái xe hạng	Số chứng chỉ sơ cấp hoặc số chứng chỉ đào tạo hoặc xác nhận hoàn thành khóa đào tạo	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
1	PHẠM THU AN	01/03/2003	056303000317	48 Lam Sơn, Phường Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa	Hợp Lệ	561212003626/A1	0000349	
2	NGUYỄN VĂN AN	28/04/1999	056099000376	Thôn Hạ Xã Diên Lâm, Tỉnh Khánh Hòa	Hợp Lệ	560174009079/A1	0001106	
3	LÊ ĐÌNH ANH	22/10/1981	038081039078	16A Đường Số 10 Phường Nam Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa	Hợp Lệ	560098006507/A1	0000559	
4	PHAN NGUYỄN VĂN ANH	08/01/1988	066188000145	140/11 Vũ Tùng, Phường Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh	Hợp Lệ	AB587941/A1	0001273	
5	PHÙ THỊ NGỌC ÁNH	02/05/1970	056170004525	57 Tân Hải, Phường Nam Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa	Hợp Lệ	K262959/A1	56003-20250912101927003	
6	VŨ BÁ BẮC	30/07/1989	038089012460	Thôn Các Xã Các Sơn, Tỉnh Thanh Hóa	Hợp Lệ		0000511	
7	LÊ QUỐC ANH BẢO	24/02/2001	056206006300	Phước Lương Xã Diên Thọ, Tỉnh Khánh Hòa	Hợp Lệ		0000238	
8	NGUYỄN KHẮC GIA BẢO	04/11/1998	056098000400	Thanh Minh 3 Xã Diên Lạc, Tỉnh Khánh Hòa	Hợp Lệ	560211003635/A1	0000103	
9	NGUYỄN ANH BÚT	14/10/2002	056202007525	Xã Cam Lâm, Tỉnh Khánh Hòa	Hợp Lệ		0001048	
10	NGUYỄN THỊ NGỌC CẢNH	15/06/1992	064192008703	Thôn 2, Xã Ayun, Tỉnh Gia Lai	Hợp Lệ		56003-20250809092358400	
11	TRẦN VÕ HOÀNG CHÂU	28/06/2000	056300004918	Phường Nam Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa	Hợp Lệ		0000575	
12	NGUYỄN THỊ CHI	26/07/1984	056184002211	Thôn 4 Xã Diên Thọ, Tỉnh Khánh Hòa	Hợp Lệ	U172009/A1	0001330	
13	NGUYỄN HỮU CHIẾN	12/06/2006	056206008963	Thôn Đông Dinh Xã Diên Khánh, Tỉnh Khánh Hòa	Hợp Lệ		0001225	
14	NGUYỄN CÔNG CHÍNH	10/10/1994	329401446234	Phường Vinh Lộc, Tỉnh Nghệ An	Hợp Lệ	400122017638/A1	0000972	
15	LÊ NGUYỄN HỮU CƯỜNG	18/02/2003	056203011988	Phủ Hải Phường Cam Ranh, Tỉnh Khánh Hòa	Hợp Lệ		0000336	
16	MAI XUÂN CƯỜNG	25/02/1986	056086000665	Phủ Hội 1 Xã Vạn Thắng, Tỉnh Khánh Hòa	Hợp Lệ	560054004824/A1	0000392	
17	HÀ HUỆ DANH	26/06/1981	079081006470	175/61A Phó Cơ Điều, Phường Minh Phụng, Thành phố Hồ Chí Minh	Hợp Lệ		0001332	
18	PHAN LÊ THÀNH ĐẠT	13/07/1999	056099000496	Dinh Thành 2, Xã Diên Khánh, Tỉnh Khánh Hòa	Hợp Lệ		0001373	

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Số định danh	Nơi cư trú	Giấy chứng nhận sức khỏe hợp lệ	Đã có giấy phép lái xe hạng	Số chứng chỉ sơ cấp hoặc số chứng chỉ đào tạo hoặc xác nhận hoàn thành khóa đào tạo	Ghi chú
19	PHẠM TIẾN ĐẠT	01/10/1995	056095008096	Lợi Hòa Phường Cam Linh, Tỉnh Khánh Hòa	Hợp Lệ	560143002140/A1	0000843	
20	LÊ HÙNG DỊCH	12/09/1975	056075005787	Thôn Bình Khánh Xã Diên Lạc, Tỉnh Khánh Hòa	Hợp Lệ	K843497/A1	0001227	
21	NGUYỄN VĂN ĐỨC	16/07/1990	030090018483	Thôn Tây 2 Xã Diên Điền, Tỉnh Khánh Hòa	Hợp Lệ	560093006926/A1	0000195	
22	NGUYỄN THÙY DUNG	10/06/1992	096192007140	76/1G Lê Văn Chí, Phường Linh Xuân, Thành phố Hồ Chí Minh	Hợp Lệ	791232568524/A1	56003-20250830154933147	
23	ĐẶNG THỊ KIM DUNG	29/10/1987	056187002400	Hòn Rớ Phường Nam Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa	Hợp Lệ		0000504	
24	NGUYỄN HẢI DƯƠNG	09/05/2001	056201008454	Phù Khánh Trung, Xã Diên Lạc, Tỉnh Khánh Hòa	Hợp Lệ	560191006905/A1	0001375	
25	TRẦN THỊ THÙY DƯƠNG	05/05/1990	056190003573	Xã Diên Lạc, Tỉnh Khánh Hòa	Hợp Lệ	561092004043/A	56003-20250711135556507	
26	NGUYỄN VĂN DƯƠNG	19/08/1989	038089024914	89 Trần Phú Phường Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa	Hợp Lệ	380148003720/A1	0000426	
27	ĐẶNG TRÚC DUY	04/11/1992	082092019290	108/1A Long Hưng Phường Trung An, Tỉnh Đồng Tháp	Hợp Lệ		0000155	
28	NGUYỄN QUANG DUY	29/09/1997	062097000338	505 Hùng Vương Phường Kcn Tum, Tỉnh Quảng Ngãi	Hợp Lệ	80044667M/A2	0001109	
29	NGUYỄN NGỌC DUY	20/12/1982	034082018361	17 Đồng Phước Phường Nam Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa	Hợp Lệ	560045000721/A1	0000735	
30	NGUYỄN THỊ KHÁNH HÀ	14/06/1983	056183006816	Tổ Dân Phố 05, Phường Ninh Hòa, Tỉnh Khánh Hòa	Hợp Lệ	AU432418/A1	56003-20250911093618070	
31	LÊ THỊ MINH HẰNG	01/02/1998	008198012470	Sth 46A 11, Kdt LHP2, Phường Nam Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa	Hợp Lệ	561170004123/A1	56003-20250821163434950	
32	PHAN THỊ TUYẾT HẠNH	02/05/1985	056185002147	129 Tổ 11 Sơn Thủy Phường Bắc Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa	Hợp Lệ	AE373611/A1	0001232	
33	PHẠM HÀO	11/05/2003	056203007418	Xã Diên Khánh, Tỉnh Khánh Hòa	Hợp Lệ	560225003377/A1	0000537	
34	CAO ĐỨC HẢO	27/09/1981	056081004944	45 Võ Thị Sáu, Phường Nam Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa	Hợp Lệ		0001376	
35	TRẦN HUỖNH HẢO	09/06/2004	052204013449	Thôn 9 Xã Phù Mỹ Đông, Tỉnh Gia Lai	Hợp Lệ		0001336	
36	CAO QUỲNH ANH HẠO	11/01/2007	056207007039	Suối Lau 3 Xã Suối Dầu, Tỉnh Khánh Hòa	Hợp Lệ		0001112	
37	VÕ THỊ THU HIỀN	20/10/1987	042187019934	Phường Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa	Hợp Lệ		0000472	
38	LƯƠNG VĂN HIẾU	05/09/1994	056094011396	Sơn Thủy Phường Bắc Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa	Hợp Lệ	560184012236/A1	0000519	
39	PHAN MINH HIẾU	08/04/2003	056203001209	Xã Diên Thọ, Tỉnh Khánh Hòa	Hợp Lệ	560225008499/A1	0001054	
40	HUỖNH NGỌC HIẾU	08/06/2004	056204010426	Phường Nam Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa	Hợp Lệ		0000372	

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Số định danh	Nơi cư trú	Giấy chứng nhận sức khỏe hợp lệ	Đã có giấy phép lái xe hạng	Số chứng chỉ sơ cấp hoặc số chứng chỉ đào tạo hoặc xác nhận hoàn thành khóa đào tạo	Ghi chú
41	NGUYỄN VĂN HOÀI	12/08/1991	038091028579	Tổ 14 Ngọc Thảo, Phường Tây Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa	Hợp Lệ		0001377	
42	LÊ NGỌC HOÀN	19/04/2002	038202016536	Xã Thanh Phong, Tỉnh Thanh Hóa	Hợp Lệ		0001056	
43	NGUYỄN MINH HOÀNG	26/04/1997	056097005379	Tổ 29 Trường Phúc, Phường Bắc Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa	Hợp Lệ	560167000883/A1	0001378	
44	NGUYỄN ĐĂNG HOÀNG	28/01/2006	056206005088	80/3 Đồng Nai Phường Nam Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa	Hợp Lệ	790259840004/A1	0000403	
45	VÕ NGỌC HÙNG	20/04/1971	056071009561	Xã Ea Drăng, Tỉnh Đắk Lắk	Hợp Lệ	660112807490/A1	0001061	
46	PHAN MẠNH HÙNG	30/12/1986	042086012581	Xuân Lạc 2 Phường Tây Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa	Hợp Lệ	560062005965/A1	0008510	
47	NGUYỄN LÊ HÙNG	09/10/1988	056088003795	Nghiệp Thành Xã Suối Hiệp, Tỉnh Khánh Hòa	Hợp Lệ		0001176	
48	LÊ THỊ THU HƯƠNG	24/09/1986	056186010090	Xã Diên Điện, Tỉnh Khánh Hòa	Hợp Lệ		0001062	
49	VÕ PHI HỮU	20/10/2001	054201008883	Thôn Phú Mỹ, Xã Hòa Thịnh, Tỉnh Đắk Lắk	Hợp Lệ		0001380	
50	HUỲNH NGỌC HUY	17/06/2000	056200004552	Tổ Dân Phố Phú Thọ 3, Phường Đông Ninh Hòa, Tỉnh Khánh Hòa	Hợp Lệ	560226000443/A1	0001381	
51	NGÔ QUANG HUY HUY	24/09/2000	056200009426	Xã Diên Điện, Tỉnh Khánh Hòa	Hợp Lệ		0000477	
52	NGUYỄN VĂN KHẢI	30/09/1992	054092008424	Tổ 17, Hòa Trung, Phường Bắc Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa	Hợp Lệ	560110006740/A1	0001382	
53	HOÀNG MINH KHANG	29/12/2002	001202022664	Đội 1, Lạc Thị X. Ngọc Hồi, TP. Hà Nội	Hợp Lệ		0000436	
54	NGUYỄN MINH KHÔI	13/08/2005	056205011700	95 Nguyễn Trãi Phường Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa	Hợp Lệ	560237006618/A1	0001182	
55	LÂM DUY KIÊN	05/05/2002	056202003056	1/23 Tân Trang Phường Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa	Hợp Lệ	560229001100/A1	0000527	
56	LÊ KIM TUẤN KIẾT	27/12/2001	056201003863	Phú Ân Nam 2 Xã Diên Khánh, Tỉnh Khánh Hòa	Hợp Lệ		0000234	
57	NGUYỄN THỊ TRÚC LAN	08/07/1991	056191006624	Như Xuân 2 Phường Bắc Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa	Hợp Lệ	561093002389/A1	56003-20250920111748770	
58	NGUYỄN HOÀNG LÂN	18/11/1987	056087008105	Đại Mỹ Xã Hòa Trí, Tỉnh Khánh Hòa	Hợp Lệ		0001183	
59	NGUYỄN THANH LIÊM	01/11/2001	056201011336	Khánh Thành Nam Xã Suối Dầu, Tỉnh Khánh Hòa	Hợp Lệ	560202000676/A1	0000430	
60	NGUYỄN THỊ QUỲNH LIÊN	24/08/1990	056190010537	56 Ngõ Gia Tự Phường Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa	Hợp Lệ		0000013	
61	NGÔ KHÁNH LINH	07/10/2006	056306009380	Phường Nam Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa	Hợp Lệ	561249008634/A1	0001261	
62	NGUYỄN VĂN LINH	05/06/1987	031087021506	Căn 422 Chung Cư An Bình Phường Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa	Hợp Lệ	560221008071/A1	0000432	

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Số định danh	Nơi cư trú	Giấy chứng nhận sức khỏe hợp lệ	Đã có giấy phép lái xe hạng	Số chứng chỉ sơ cấp hoặc số chứng chỉ đào tạo hoặc xác nhận hoàn thành khóa đào tạo	Ghi chú
63	LÊ HOÀNG PHI LONG	29/08/2006	068206003865	Phan Bội Châu 1 Xã Diên Khánh, Tỉnh Khánh Hòa	Hợp Lệ		0001243	
64	NGUYỄN THỊ LỰA	16/05/1985	074185006350	Xã Diên Điện, Tỉnh Khánh Hòa	Hợp Lệ		56003-20250612072646127	
65	NGUYỄN VĂN LÚC	25/05/1976	056076012149	An Ninh, Xã Diên Khánh, Tỉnh Khánh Hòa	Hợp Lệ	k842325/A1	0001348	
66	PHAM THI NGOC LY	12/08/2001	056301011089	Tiêu Du 2, Phường Hòa Thắng, Tỉnh Khánh Hòa	Hợp Lệ	791203060125/A1	0001383	
67	NGUYỄN THỊ MI MI	28/08/2003	056303003447	Ô 12 Lô 472 Hòn Rớ Phường Nam Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa	Hợp Lệ	561245007532/A1	0001384	
68	TRẦN MINH THỊ TRÀ MI	11/07/1984	056184001457	Thôn Quang Thạnh, Xã Diên Lạc, Tỉnh Khánh Hòa	Hợp Lệ	H829372/A1	0001385	
69	HUỖNH NHẬT HOÀNG MINH	02/07/2003	056203007192	Xã Vĩnh Thạnh, Tỉnh Gia Lai	Hợp Lệ		0001018	
70	NGUYỄN TRẦN HOÀNG NAM	05/05/2003	056203012135	Thôn Đông Dinh, Xã Diên Khánh, Tỉnh Khánh Hòa	Hợp Lệ		0001386	
71	NGUYỄN ĐÌNH NAM	10/05/1983	049083001819	Thôn Tây 2 Xã Diên Điện, Tỉnh Khánh Hòa	Hợp Lệ		0000383	
72	BÙI MAI HOÀI NAM	09/02/2001	056201009766	Phường Nam Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa	Hợp Lệ		0001067	
73	PHAN NGỌC NAM	17/03/1980	056080003835	129 Tổ 11 Sơn Thủy Phường Bắc Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa	Hợp Lệ	AG009181/A1	0001244	
74	TRƯƠNG VẠN NGÂN	20/10/1979	056079017005	05 Trần Quý Cáp, Phường Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa	Hợp Lệ		56003-20250830155145010	
75	NGUYỄN NGỌC THỦY NGÂN	03/11/2005	056305011427	Xã Suối Dầu, Tỉnh Khánh Hòa	Hợp Lệ	561247006166/A1	0000792	
76	PHAN TRUNG NGUYỄN	14/12/2003	056203004770	Thôn Như Xuân 1, Phường Bắc Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa	Hợp Lệ	560229004091/A1	0001387	
77	HUỖNH TRUNG NGUYỄN	20/06/2001	056201001340	Phường Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa	Hợp Lệ	560201006741/A	0001263	
78	NGUYỄN THỊ NGUYỆT	09/09/1988	042188012879	125/11 Hà Thanh, Phường Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa	Hợp Lệ		56003-20250905140338343	
79	DƯƠNG HOÀNG PHONG	29/07/2007	056207011939	22 Hương Sơn Phường Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa	Hợp Lệ		0001128	
80	NGUYỄN THANH PHÚ	31/08/2005	056205010869	Tân Phú Xã Nam Ninh Hòa, Tỉnh Khánh Hòa	Hợp Lệ	560246000694/A1	0001247	
81	NGUYỄN LÊ HOÀNG PHÚC	04/07/2007	056207004377	Xã Tu Bông, Tỉnh Khánh Hòa	Hợp Lệ		0001407	
82	NGUYỄN THÀNH PHƯỚC	25/08/1996	056096011538	Xã Khánh Vĩnh, Tỉnh Khánh Hòa	Hợp Lệ	560229007700/A1	0001073	
83	NGUYỄN HỒNG PHƯƠNG	29/07/1988	056088003200	17/67 Hoàng Diệu Phường Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa	Hợp Lệ		0001131	
84	ĐẶNG THANH QUÂN	27/08/1992	056092004348	Phường Tây Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa	Hợp Lệ		0001074	

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Số định danh	Nơi cư trú	Giấy chứng nhận sức khỏe hợp lệ	Đã có giấy phép lái xe hạng	Số chứng chỉ sơ cấp hoặc số chứng chỉ đào tạo hoặc xác nhận hoàn thành khóa đào tạo	Ghi chú
85	TRẦN HỮU QUÝ	20/06/2001	054201009197	Thôn Cầm Lương Xã Tuy An Bắc, Tỉnh Đắk Lắk	Hợp Lệ	660250005411/A1	0001389	
86	PHẠM PHÚ QUÝ	19/11/2001	056201004021	Tdp Nghĩa Phú Phường Bắc Cam Ranh, Tỉnh Khánh Hòa	Hợp Lệ	560209006181/A1	0001249	
87	XA MUI SÊ	04/02/1972	056072010776	Bầu Sang Xã Nam Khánh Vĩnh, Tỉnh Khánh Hòa	Hợp Lệ	560023005456/A1	0000542	
88	NGUYỄN QUỐC SINH	06/01/1996	056096004398	TDP Phú Thọ 3 Phường Đông Ninh Hòa, Tỉnh Khánh Hòa	Hợp Lệ		0000392	
89	VÕ ĐÔNG SƠ	21/10/1994	056094009933	Xã Tân Định, Tỉnh Khánh Hòa	Hợp Lệ	490142005252/A1	0001032	
90	NGUYỄN THỊ HỒNG SƯƠNG	10/08/1994	051194013058	Xã Đình Cương, Tỉnh Quảng Ngãi	Hợp Lệ		56003-20250604102022620	
91	NGÔ THỊ TÂM	25/10/1987	038187038334	258/17 Dã Tượng, Phường Nam Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa	Hợp Lệ	561063001789/A1	56003-20250904105741737	
92	TRẦN THANH TÂM	20/12/1988	056088004941	33/1 Nguyễn Văn Thành Phường Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa	Hợp Lệ		0000586	
93	VÕ THÀNH TÂM	02/04/1993	056093003146	Phường Tây Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa	Hợp Lệ		0000798	
94	LÊ ĐỨC TÂM	11/05/2000	056200002282	Hà Thanh 2 Phường Ninh Hòa, Tỉnh Khánh Hòa	Hợp Lệ	560221003201/A1	0001135	
95	ĐINH HỒ DUY TÂN	02/03/1990	056090014501	89/3 Vân Đồn, Phường Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa	Hợp Lệ		56003-20250704181221480	
96	LÊ VĂN THẮNG	10/01/1985	038085050991	404/1/45 Lê Hồng Phong Phường Nam Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa	Hợp Lệ		0000053	
97	NGUYỄN THỊ THU THANH	11/07/2000	056300008344	Tổ 17, Thôn Vĩnh Xuân, Phường Nam Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa	Hợp Lệ	561184005332/A1	0001390	
98	NGUYỄN TRÍ THANH	05/09/2000	056200001303	79/9 Đồng Nai, Phường Nam Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa	Hợp Lệ	560196006162/A1	0001391	
99	ĐINH TIỀN THÀNH	12/08/1991	026091011654	Phước Đồng Phường Nam Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa	Hợp Lệ		56003-20250926093718410	
100	PHẠM HỮU THÀNH	25/05/1997	056097004198	Phước Bắc Xã Tu Bông, Tỉnh Khánh Hòa	Hợp Lệ		0000661	
101	NGUYỄN PHƯƠNG THẢO	12/04/1990	056190002531	KĐT An Bình Tân, Phường Nam Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa	Hợp Lệ	AU439950/A1	0001392	
102	TRẦN THỊ PHƯƠNG THẢO	25/11/1990	056190012820	Thôn Thủy Xương, Xã Suối Hiệp, Tỉnh Khánh Hòa	Hợp Lệ		0001393	
103	NGUYỄN NỮ MINH THẢO	06/04/1991	056191001519	Phường Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa	Hợp Lệ		56003-20250710155403	
104	HUỲNH ANH THI	08/05/2005	056205000745	Phường Cam Linh, Tỉnh Khánh Hòa	Hợp Lệ	580237005581/A1	0001039	
105	HỒ BÁ THIÊN	01/02/1995	062095005868	602 Trần Phú, Phường Kon Tum, Tỉnh Quảng Ngãi	Hợp Lệ	560146000406/A1	0001394	
106	NGUYỄN PHƯỚC THIÊN	24/04/2003	056203001716	54 Võ Thị Sáu Phường Nam Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa	Hợp Lệ		0000443	

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Số định danh	Nơi cư trú	Giấy chứng nhận sức khỏe hợp lệ	Đã có giấy phép lái xe hạng	Số chứng chỉ sơ cấp hoặc số chứng chỉ đào tạo hoặc xác nhận hoàn thành khóa đào tạo	Ghi chú
107	NGUYỄN THỊ MINH THU	27/03/1991	054191000904	Phường Nam Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa	Hợp Lệ	541092041521/A1	56003-20250704181135680	
108	NGUYỄN ANH THU	06/06/1979	068079001342	Phù Vinh 1 Phường Tây Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa	Hợp Lệ		0000319	
109	NGUYỄN ĐĂNG THUẬN	22/06/1998	045098004687	Lam Thủy Xã Vĩnh Định, Tỉnh Quảng Trị	Hợp Lệ	460166708428/A1	0001201	
110	LÊ VĂN THUẬN	30/10/1991	056091014390	23 Nhị Hà Phường Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa	Hợp Lệ	560115004332/A1	0000402	
111	NGUYỄN TRUNG THỨC	10/02/1997	042097010009	Lưu Vĩnh Sơn Xã Toàn Lưu, Tỉnh Hà Tĩnh	Hợp Lệ	420158005399/A1	0001395	
112	LÊ THỊ MINH THỦY	11/03/1964	046164004133	Phường Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa	Hợp Lệ		56003-20250710104541653	
113	PHẠM THỊ THỦY TIÊN	13/06/2000	056300011386	Phước Điền Phường Nam Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa	Hợp Lệ	561232004209/A1	0000597	
114	PHẠM THỊ THUỶ TIÊN	04/01/1994	056194000444	Xã Diên Khánh, Tỉnh Khánh Hòa	Hợp Lệ	561120003048/A1	0001408	
115	TRẦN DUY TIẾN	08/03/2000	056200000890	Tổ 7 Lư Cẩm Phường Tây Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa	Hợp Lệ	560228005927/A1	0000405	
116	HUỖNH ĐỨC TIẾN	18/02/1991	056091012715	Phường Bắc Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa	Hợp Lệ		0001080	
117	NGÔ ANH TOÀN	23/07/2000	056200000573	Thô Bắc Vĩnh Xã Cam Lâm, Tỉnh Khánh Hòa	Hợp Lệ	560196007062/A1	0001396	
118	LÊ NGỌC TOÀN	29/12/1996	056096008290	Thôn Hạ Xã Diên Lâm, Tỉnh Khánh Hòa	Hợp Lệ	560156060599/A1	0001204	
119	LÊ THỊ PHƯƠNG TRÂM	22/04/1991	056191000371	25/1 Hà Thanh Phường Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa	Hợp Lệ		0001397	
120	PHẠM NGUYỄN BÍCH TRÂM	06/01/1993	056193005414	Tân Xương 1, Xã Suối Dầu, Tỉnh Khánh Hòa	Hợp Lệ	561140004865/A1	0001398	
121	ĐINH MỸ TRÂM	01/10/1990	052190023129	Vĩnh Xuân Phường Nam Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa	Hợp Lệ		56003-20250714075207190	
122	HÀ BẢO ANH TRÂM	17/08/1994	056194010712	Thanh Minh 3 Xã Diên Lạc, Tỉnh Khánh Hòa	Hợp Lệ		0000548	
123	HÀ BẢO THỦY TRÂM	03/03/1999	056199008289	Thanh Minh 3 Xã Diên Lạc, Tỉnh Khánh Hòa	Hợp Lệ	561175004146/A1	0000549	
124	TRẦN BẢO TRẦN	20/09/2000	056300007428	08 Võ Thị Sáu Phường Nam Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa	Hợp Lệ		0000550	
125	PHẠM NGUYỄN NGỌC TRANG	21/07/2007	056307009978	218/13 Đồng Nai, Phường Nam Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa	Hợp Lệ		0001399	
126	TRẦN THỊ HIỀN TRANG	17/04/1987	042187016215	Tổ 1 Trường Sơn, Phường Nam Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa	Hợp Lệ	561168000829/A1	0001400	
127	NGUYỄN THỊ MINH TRANG	13/12/1989	056189009821	Tổ 2 Bình Tân, Phường Nam Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa	Hợp Lệ	561092001226/A1	56003-20250705134307287	
128	TRẦN MINH TRÍ	29/11/1997	056097000048	Xã Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh	Hợp Lệ	790152274773/A1	56003-20250704181314540	

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Số định danh	Nơi cư trú	Giấy chứng nhận sức khỏe hợp lệ	Đã có giấy phép lái xe hạng	Số chứng chỉ sơ cấp hoặc số chứng chỉ đào tạo hoặc xác nhận hoàn thành khóa đào tạo	Ghi chú
129	NGUYỄN CHÍ TRÍ	26/03/1998	056098009860	Xã Suối Hiệp, Tỉnh Khánh Hòa	Hợp Lệ	560164003742/A1	0001084	
130	NGUYỄN VĂN TRỌNG	10/04/2002	054202001106	Thạch Khê Xã Xuân Lộc, Tỉnh Đắk Lắk	Hợp Lệ	640224018560/A1	0000801	
131	PHẠM THÀNH TRUNG	18/08/2006	056206000319	Vĩnh Cát Xã Suối Hiệp, Tỉnh Khánh Hòa	Hợp Lệ	560246009596/A1	0001401	
132	PHAN THANH TỬ	04/10/2002	056202009022	Quảng Hòa Phường Bắc Cam Ranh, Tỉnh Khánh Hòa	Hợp Lệ	561237001298/A1	0001141	
133	LÊ MINH TỰ	12/09/2006	066206000543	Thôn 3 Xã Pong Drang, Tỉnh Đắk Lắk	Hợp Lệ		0000919	
134	NGUYỄN NGỌC TUẤN	04/07/1995	054095007765	Long Phụng Xã Phú Hòa 2, Tỉnh Đắk Lắk	Hợp Lệ	790139404227/A1	0001402	
135	HỒ NGỌC TUẤN	02/05/1990	056090014086	Tổ 6 Vĩnh Diễm Trung Phường Tây Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa	Hợp Lệ	560103005394/A1	0000409	
136	TRỊNH THANH TÙNG	03/01/2002	056202006221	Phú Vinh Phường Tây Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa	Hợp Lệ	560200010169/A1	0000552	
137	LÊ THUY HỒNG VÂN	19/10/1984	079184038317	21A Bánh Ván Trăn, Phường Tân Hòa, Thành phố Hồ Chí Minh	Hợp Lệ	791031289903/A1	0001403	
138	HỒ CÔNG VẠN	01/10/1998	049098008588	Lãnh Thượng 2 Xã Quê Sơn, Thành phố Đà Nẵng	Hợp Lệ		0000666	
139	LÂM THÚY VI	31/12/1975	056175002347	04 ĐL Nguyễn Tất Thành Phường Nam Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa	Hợp Lệ		0000233	
140	NGUYỄN XUÂN VI	12/08/1990	052190021339	Đại Cát 1, Phường Ninh Hòa, Tỉnh Khánh Hòa	Hợp Lệ		56003-20250608074058943	
141	ĐỖ BÌNH VIÊN	15/09/2001	054201005275	Thôn Phú Cản, Xã Tuy An Nam, Tỉnh Đắk Lắk	Hợp Lệ	560201000215/A1	0001404	
142	NGUYỄN CƯỜNG VIỆT	01/03/2003	056203003872	Võ Kiện Xã Diên Khánh, Tỉnh Khánh Hòa	Hợp Lệ		0000328	
143	LÊ ĐỨC VINH	21/02/1998	056098009352	Thôn Phú Khánh Thượng Xã Diên Lạc, Tỉnh Khánh Hòa	Hợp Lệ	560165003734/A1	0001405	
144	NGUYỄN TRƯỜNG VINH	28/06/2001	056201006117	Đảnh Thanh Xã Suối Hiệp, Tỉnh Khánh Hòa	Hợp Lệ	560247004538/A1	0000554	
145	NGÔ LÂM VŨ	06/07/1994	056094013120	Tân Đức Tây Xã Vạn Ninh, Tỉnh Khánh Hòa	Hợp Lệ		0000555	
146	LÊ QUANG VƯƠNG	12/10/2002	052202004417	Hội Phú Xã Phú Mỹ Tây, Tỉnh Gia Lai	Hợp Lệ		0001406	
147	ĐÀM THÚY VY	25/05/1995	056195009038	Phường Nam Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa	Hợp Lệ	56113302519/A1	56003-20250704181020037	
148	NGUYỄN THỊ THÚY VY	14/04/1990	068190014006	131/29 Đường 2/4, Phường Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa	Hợp Lệ		56003-20250829140708057	